TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HS-ST
Ngày 17/05/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phong;

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đăng Đán, ông Nguyễn Mạnh Diễn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Ông Nguyễn Văn Tập, Kiểm sát viên.

Ngày 17/05/2019, tại Tòa án huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2019/TLST-HS ngày 04/4/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HS ngày 05/04/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; trú tại: Thôn H, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; không học phổ thông; không nghề nghiệp; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương H, đã chết và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957; gia đình có 05 anh em, bị cáo thứ 3; không có chồng; có 02 con, sinh năm 2006 và 2013; không tiền án, tiền sự; bị tạm giữ từ ngày 23/01/2019 đến ngày 25/01/2019; bị áp dụng B pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Duy B, sinh năm: 1970; nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

2. Chị Lê Thị H, sinh năm 1976; nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; tạm trú tại: Thôn Đ, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị T quen biết với Lê Thị H, nên T biết H có nhu cầu bán dâm. Bị cáo T và H đã thỏa thuận nếu có khách nam đến mua dâm thì T sẽ điện thoại báo cho H, để H bán dâm; mỗi lần bán dâm, bị cáo thu của khách 200.000đ, trong đó H được hưởng 150.000đ và bị cáo được hưởng 50.000đ tiền môi giới.

Khoảng 13 giờ ngày 23/01/2019, anh Nguyễn Duy B và anh Nguyễn Văn M đến quán của bị cáo uống nước. Trong lúc uống nước, anh B có nhu cầu mua dâm, nên anh B nhờ bị cáo gọi hộ gái bán dâm (anh M không mua dâm mà ở lại quán, thuê bị cáo đấm lưng, mát xa). Bị cáo đồng ý và gọi điện thoại bảo H bán dâm. Bị cáo thu của anh B 200.000đ tiền bán dâm. Sau khi thu tiền bị cáo chỉ đường cho anh B đi vào nhà trọ của H để mua dâm. H đón anh B vào phòng trọ của mình để thực hiện hành vi mua, bán dâm. Khi hai người thực hiện hành vi giao cấu thì bị Công an huyện G bắt quả tang và thu giữ vật chứng. Vật chứng thu giữ: 01 vỏ bao cao su đã xé, 01 bao cao su đã sử dụng và 01 điện thoại di động của H nhãn hiệu Mastel. Cùng ngày, bị cáo đến Công an huyện G đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội, đồng thời giao nộp 500.000đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3s cũ.

Cáo trạng số: 27/CTr-VKS-GB, ngày 02/4/2019 của Viện kiểm sát huyện G truy tố bị cáo về tội "Môi giới mại dâm" theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa, buộc tội bị cáo về tội đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 328, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng và đề nghị xử lý vật chứng.

Bị cáo nhận tội, thừa nhận hành vi như Cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát, không tham gia tranh luận mà xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai người liên quan, người làm chứng, vật chứng thu được và những chứng cứ, tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 23/01/2019, tại thôn V, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, bị cáo Nguyễn Thị T làm trung gian, dẫn dắt để anh Nguyễn Duy B và Lê Thị H thực hiện hành vi mua, bán dâm tại nhà trọ của Lê Thị H nhằm thu lời bất chính. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Môi giới mại dâm" được quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể được Luật hình sự bảo vệ, đó là trật tự trị an xã hội; tệ nạn mại dâm còn là nguy cơ lây truyền bệnh tật. Hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo biết được hậu quả của hành vi phạm tội, nhưng vì hám lợi bị cáo vẫn thực hiện. Bị cáo có đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, trước lần phạm tội này luôn chấp đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đến đầu thú và giao nộp số tiền do phạm tội mà có; đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi thường trú rõ ràng, có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Mặt khác, bị cáo không có chồng, một mình nuôi hai con nhỏ, bị cáo không đi học phổ thông, nhận thức và hiểu biết pháp luật hạn chế. Bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo, xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Do vậy, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời cũng thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì không có khả năng thi hành.

[5] Xử lý vật chứng: Sau khi phạm tội bị cáo giao nộp 500.000đ, trong đó có 200.000đ là tiền do phạm tội mà có, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước; còn lại số tiền 300.000đ không liên quan đến việc phạm tội nên trả cho bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với 01 bao cao su và 01 vỏ bao cao su, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động Oppo A3s và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel, đây là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ.

[6] Đối với anh Nguyễn Duy B và Lê Thị H là những người có hành vi mua, bán dâm; Công an huyện G xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 người

này là phù hợp. Đối với anh Nguyễn Văn M là người đi cùng anh B, anh M không liên quan đến hành vi phạm tội nên không bị xử lý là phù hợp. Bị cáo thuê nhà ông Nguyễn V, sinh năm 1961; trú tại thôn X, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Ninh để bán cà phê; ông v không biết việc bị cáo thực hiện hành vi môi giới mại dâm. Nguyễn Thị H thuê nhà trọ của ông Trịnh Xuân Hu, sinh năm 1958; trú tại thôn Đ, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; ông Hu không biết việc H sử dụng nhà thuê vào mục đích bán dâm. Nên Công an huyện G không xem xét xử lý ông M và ông Hu là phù hợp pháp luật.

[7] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[8] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát buộc tội bị cáo về tội đã truy tố và đề nghị cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp, nhưng đề nghị mức hình phạt là hơi nhẹ so với hành vi của bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Môi giới mại dâm".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 328, Điều 65, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử phạt bị cáo:

Nguyễn Thị T 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 200.000đ của bị cáo Nguyễn Thị T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel cũ và 01 điện thoại di động OPPO A3s cũ. Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su và 01 vỏ bao cao su. Trả cho bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 300.000đ, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án và VKS tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và Chi cục THA huyện G;
- Cán bộ thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Phong